

Bản án số: 107/2024/KDTM-ST
Ngày 27- 3- 2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Từ Xuân Anh

2. Bà Phạm Thị Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2023/TLST-KDTM ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2024/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần T

Trụ sở: Đường I, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1980/Bà Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1999; Cùng địa chỉ liên hệ: Đường V, phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (bà Thẩm có mặt)

Bị đơn: Công ty Cổ phần Tập đoàn D (tên cũ: Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng - Thương mại - Xuất nhập khẩu S)

Trụ sở: Đường H, Phường, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Viết B, sinh năm 1967 – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn là Công ty Cổ phần T có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Thu T2 trình bày:

Công ty Cổ phần T (sau đây viết tắt là công ty T) và Công ty Cổ phần Tập đoàn D (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng – Thương mại – Xuất nhập khẩu S) có ký với nhau hợp đồng kinh tế số 011207/TSG/HĐ/2022 ngày 12/7/2022 để mua bán bê tông thương phẩm cho công trình nhà xưởng Khu công nghiệp X, huyện Đ, tỉnh Long An. Các bên tiến hành giao nhận bê tông, xác nhận khối lượng đã giao theo các biên bản xác nhận khối lượng ngày 13/7/2022, ngày 16/7/2022, ngày 13/8/2022, ngày 01/9/2022, ngày 22/9/2022, ngày 22/10/2022, ngày 10/11/2022. Theo đó, Công ty T đã xuất hóa đơn GTGT cho Công ty Cổ phần Tập đoàn D (sau đây viết tắt là công ty D) số tiền 1.050.725.000 đồng. Công ty D đã thanh toán cho Công ty T số tiền là 680.575.000 đồng vào các ngày 26/7/2022, ngày 22/8/2022, ngày 20/9/2022, ngày 20/10/2022, ngày 08/11/2022 và hiện còn nợ lại số tiền 370.150.000 đồng. Công ty T nhiều lần liên hệ, gửi công văn yêu cầu thanh toán nợ nhưng Công ty D vẫn không thanh toán gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Công ty T.

Nay công ty T yêu cầu Công ty D trả cho Công ty T tổng số nợ tạm tính đến tháng 5/2023 là 396.800.800 đồng trong đó tiền nợ gốc là 370.150.000 đồng, nợ lãi là 26.650.800 đồng theo lãi suất 1,2%/tháng.

Bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn D vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bà Nguyễn Thị Thu T2 là người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty D trả cho Công ty T tổng số nợ tạm tính từ tháng 12/2022 đến tháng 3/2024 là 423.451.600 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 370.150.000 đồng, nợ lãi chậm thanh toán là 53.301.600 đồng ($370.150.000 \text{ đồng} \times 0.9\% \times 16 \text{ tháng} = 53.301.600 \text{ đồng}$) theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 3 ngân hàng (Vietcombank 6.6%, Vietinbank 7.5%, Agribank 7.5%) $\times 150\% : 3 = 10.8\%/\text{năm}$.

Bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn D vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với Bị đơn tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quy định của pháp luật về thẩm quyền.

- *Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:* Trong vụ án này, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu T2 là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có mặt.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bị đơn đến Tòa án tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng Bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1 Xét yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn thanh toán khoản nợ mua hàng còn lại là 370.150.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 011207/TSG/HĐ/2022 ngày 12/7/2022 được ký kết giữa Công ty Cổ phần T và Công ty Cổ phần Tập đoàn D (tên cũ: Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng – Thương mại – Xuất nhập khẩu S) thì giữa Nguyên đơn và Bị đơn đã giao kết hợp đồng mua bán hàng hoá.

Căn cứ vào các biên bản xác nhận khối lượng và các hóa đơn giá trị gia tăng, sổ chi tiết công nợ ngày 31/12/2017, chứng từ chuyển tiền, phiếu thu đã thể hiện Nguyên đơn cung cấp cho Bị đơn hàng hóa là bê tông thương phẩm cho công trình nhà xưởng Khu công nghiệp X, huyện Đ, tỉnh Long An. Giá trị hàng hoá đã giao là 1.050.725.000 đồng, phía Bị đơn đã thanh toán số tiền là 680.575.000 đồng, còn nợ lại 370.150.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập Bị đơn để làm rõ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn nhưng phía Bị đơn đều vắng mặt, không cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu khác thể hiện đã thực hiện thanh toán đầy đủ cho Nguyên đơn.

Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền mua hàng hoá là có cơ sở. Căn cứ Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005 Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua hàng hoá còn thiếu cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của Nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở chấp nhận yêu cầu Nguyên đơn, buộc Bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho Nguyên đơn số tiền mua hàng hoá còn nợ lại là 370.150.000 đồng

[2.2] Xét yêu cầu của Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán số tiền lãi do chậm thanh toán tính từ tháng 12/2022 đến tháng 3/2024 là 53.301.600 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng kinh tế số 011207/TSG/HĐ/2022 ngày 12/7/2022 hai bên thoả thuận trường hợp chậm thanh toán, thì còn phải trả thêm lãi phát sinh theo lãi suất cho vay của ngân hàng theo tài khoản của bên B (công ty T). Tuy nhiên, phía Nguyên đơn yêu cầu tính lãi do Bị đơn chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005, theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 3 ngân hàng công bố tại thời điểm tháng 3 năm 2024 (Vietcombank 6.6%, Vietinbank 7.5%, Agribank 7.5%) x 150% = 10.8%/năm.

Xét Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền lãi suất do chậm thanh toán tính từ tháng 12/2022 đến 03/2024 là 370.150.000 đồng x 0,9% x 16 tháng = 53.301.600 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc Bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho Nguyên đơn số tiền lãi 53.301.600 đồng.

Từ những nhận định trên, căn cứ các Điều 24, 50, 306 Luật thương mại 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, buộc Bị đơn thanh toán cho Nguyên đơn số tiền nợ mua hàng hóa còn lại là 370.150.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 53.301.600 đồng, tổng cộng là 423.451.600 đồng.

[2.3] Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của Nguyên đơn, được Tòa án chấp nhận toàn bộ, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 24, 50, 306 Luật Thương mại;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty Cổ phần T.

Bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn D có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần T số tiền mua hàng hóa còn nợ lại là 370.150.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 53.301.600 đồng, tổng cộng là 423.451.600 (Bốn trăm hai mươi ba triệu bốn trăm năm mươi một ngàn sáu trăm) đồng. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 28/3/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty Cổ phần Tập đoàn D phải chịu 20.938.064 (Hai mươi triệu chín trăm ba mươi tám ngàn không trăm sáu mươi bốn) đồng.

Hoàn lại cho Công ty Cổ phần T số tiền 9.920.020 (Chín triệu chín trăm hai mươi ngàn không trăm hai mươi) đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023641 ngày 19/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND QTB;
- CCTHADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

